

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HS-PT

Ngày: 24/3/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hiệu

*Các Thẩm phán:* Ông Quách Văn Thành

Ông Lê Thanh Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**  
Ông Vũ Trọng Trạng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 10/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thị L do có kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2020/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**Bị cáo bị kháng cáo: Lê Thị L**, sinh năm 1968; tại xã Ph, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Ph, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ng; có chồng Nguyễn Văn B và 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; có mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã Ph, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị Gi, sinh năm 1965; vắng mặt.

- Chị Lê Thị Ch, sinh năm 1973; có mặt.

Đề trú tại: Thôn Đ, xã Ph, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

**- Những người làm chứng:**

- Chị Lê Thị Th, sinh năm 1971; có mặt.

Đề trú tại: Thôn Đ, xã Ph, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1969; có mặt.

Đề trú tại: Thôn Đ, xã Ph, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nguyễn Văn 1p, sinh năm 1970; có mặt.

Đề trú tại: Thôn Đ, xã Ph, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1976; vắng mặt.

Trú tại: Thôn N, xã Ng, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1994; vắng mặt.

Trú tại: Thôn N, xã Ng, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 07/4/2020, chị Nguyễn Thị T sinh năm 1973 ở thôn Đ, xã Ph, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa điều khiển xe mô tô đi từ chợ ở xã V về đến xã Ph, khi đi đến đoạn đường liên thôn thuộc thôn Đ, xã Ph, huyện Th thì gặp Lê Thị L, sinh năm 1968 ở cùng thôn Đ, xã Ph (Lê Thị L và chị Nguyễn Thị T là hai chị em dâu). Do chị T và L đã có mâu thuẫn từ trước, nên giữa chị T và L có lời qua tiếng lại, chửi bới lẫn nhau, Lê Thị L đã dùng tay cào cấu liên tục vào vùng mặt và người của chị T; Quá trình hai bên va chạm thì chị T đã cào cấu lại vào vùng mặt, tai và cắn vào ngón tay cái (bàn tay phải) của Lê Thị L. Sau đó chị T kêu la thì có chị Lê Thị Thsinh năm 1971 (Chị Th lấy anh trai của chị T) chạy ra can ngăn, kéo chị T đứng dậy. Ngoài ra có cả hàng xóm xung quanh nghe tiếng kêu la cũng chạy ra. Hậu quả chị Nguyễn Thị T và Lê Thị L đều bị thương tích. Cụ thể:

Theo biên bản xem xét dấu vết trên thân thể do cơ quan CSĐT Công an huyện Thiệu Hóa lập ngày 09/4/2020 thì chị T bị các thương tích như sau: Mắt phải: 01 vết cào xước trên mí mắt phải, kích thước 01cm; Mắt trái: Nhiều vết cào xước xung quanh vùng mí, vùng đuôi mắt; Vùng trán: 01 vết xước, cào dài khoảng 3,5cm; Vùng má phải: Nhiều vết cào xước không liền, tạo thành nhiều vết cào nhỏ, có dấu hiệu vết máu đang có dấu hiệu khô, đóng vảy; Vùng má trái: Nhiều vết xước sâu trên vùng má; Bên sườn phải: Xuất hiện vết xước không liền mạch, dài khoảng 4cm; Bên hông phải: Có dấu hiệu đỏ vùng da, ấn vào sưng đau.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 376/2020/TTPY ngày 10/6/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với chị Nguyễn Thị T được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (Điều 4, thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 Bộ Y tế) là 12% (Mười hai phần trăm).

Tại bản kết luận giám định pháp y về cơ chế hình thành thương tích số: 686/2020/TTPY ngày 12/09/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận:

Mắt phải: Do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật tày có cạnh, hoặc vật có cạnh sắc, hoặc vật có cạnh sắc nhọn. Đã được điều trị, hiện tại không còn sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng tổn thương cơ quan chức năng do chấn thương. Mắt trái: Do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật tày có cạnh, hoặc vật có cạnh sắc, hoặc vật có cạnh sắc nhọn. Gây tổn thương rách da, mô mềm và chấn thương nhãn cầu, xuất huyết kết mạc mắt trái. Đã được điều trị, hiện tại còn di chứng sẹo vết thương phần mềm vùng mắt ngang mức mi trên mắt trái và thị lực mắt trái giảm bằng 7/10, ánh trung tâm kém sáng.

Vùng trán: Do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật tày có cạnh, hoặc vật có cạnh sắc, hoặc vật có cạnh sắc nhọn. Gây tổn thương mô mềm. Đã được điều trị; hiện tại còn di chứng vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng trán trái ngang trên cung lông mày trái.

Vùng má phải: Do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật tày có cạnh, hoặc vật có cạnh sắc, hoặc vật có cạnh sắc nhọn. Gây tổn thương rách da, mô mềm. Đã được điều trị, hiện tại còn di chứng sẹo vết thương phần mềm vùng mắt ngang mức gò má phải. Vùng má trái: Do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật tày có cạnh, hoặc vật tày có cạnh sắc, hoặc vật có cạnh sắc nhọn. Gây tổn thương mô mềm. Đã được điều trị, hiện tại còn di chứng vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng má trái.

Bên sườn phải: Do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật tày có cạnh, hoặc vật tày có cạnh sắc, hoặc vật có cạnh sắc nhọn. Đã được điều trị, hiện tại không còn sẹo vết thương phần mềm, không có di chứng tổn thương cơ quan chức năng do chấn thương.

Bên hông phải: Do tác động của ngoại lực, tạo nên bởi vật tày hoặc vật tày có cạnh. Đã được điều trị, hiện tại không còn sẹo vết thương phần mềm không có di chứng tổn thương cơ quan chức năng do chấn thương.

Tại thời điểm giám định pháp y về cơ chế hình thành thương tích: Không đủ chứng cứ khoa học và dữ liệu khách quan để xác định chính xác chiều hướng tác động và lực tác động của vật gây thương tích.

Đối với phần thương tích của Lê Thị L, tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể do cơ quan CSĐT Công an huyện Thiệu Hóa lập ngày 09/4/2020, Lê Thị L bị các thương tích như sau: 01( Một) vết xước nông, dưới rái tai bên phải dài 2.5cm; 01( Một) vết xước ở mi dưới đuôi mắt phải dài 0.5cm (vết xước nông); 01( Một) vết xước ở cánh mũi bên trái, nông dài 0.5cm; 01 (một) vết xước sâu bên gò má trái, dài 1cm; 01 (một) vết xước cách cánh mũi trái 3cm, vết xước đã đóng vảy; Ngoài ra có một số vết cào nhẹ, gây trầy xước nhẹ vùng xung quanh miệng, không gây chảy máu; 01 (một) vết xước đã khô ở huyệt nhân trung; 01 (một) vết thương đã được khâu 05(năm) mũi ở đốt cuối cùng ngón tay cái bên bàn tay phải.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 494/2020/TTPY ngày 10/07/2020 của Trung tâm pháp y Thanh Hóa kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn

thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Thị L được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là: 06% (Sáu phần trăm).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Lê Thị L đã khai nhận hành vi dùng tay cào cấu gây thương tích cho chị T phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra.

Đối với bà Lê Thị Gi, sinh năm 1965 và chị Lê Thị Ch, sinh năm 1973 cùng ở thôn Đ, xã Ph, huyện Th (Bà Gi và chị Ch là chị em ruột với Lê Thị L) theo khai báo của chị Nguyễn Thị T và chị Lê Thị Th thì bà Gi và chị Ch đã tham gia giữ tay chị T để Lê Thị L gây thương tích cho chị T, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bà Gi và chị Ch không thừa nhận, cho rằng chị T và chị Th khai báo không đúng sự thật, khi chị Ch và bà Gi ra thì sự việc đánh nhau cào cấu giữa Lê Thị L và chị T đã xong xuôi.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường gồm các khoản, tiền viện phí, thuốc men theo hóa đơn chứng từ gồm:

Tiền thuốc tại Bệnh viện Đại An Điều trị 02 lần trong tháng 4 và tháng 7 năm 2020 là 7.342.000đ, tiền thuốc điều trị tại bệnh viện Đa khoa Thanh Hóa 12.474.000đ; Chi phí khám mắt tại bệnh viện mắt Thanh Hóa 373.000đ; Tiền chi phí điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai trong tháng 9 năm 2020 và thuốc theo đơn nộp tài liệu ngày 26/11/2020 là 11.582.200đ; chi phí tiền thuốc ở Bệnh viện Đa khoa thiệu hóa từ ngày 04-13 tháng 11 năm 2020 là 590.734đ, tổng: 33.361.734đ.

Tiền thuê xe, xăng xe và tiền ăn uống trong những lần điều trị: 3.250.000đ (Chưa tính tiền xe đi Hà Nội); Chi phí cho người chăm sóc nằm viện 18 ngày x 250.000đ/ngày = 4.500.000đ; Thu nhập bị mất 120 ngày x 400.000đ/ngày = 48.000.000đ, tổng 55.750.000đ;

Tổng cộng: 89.111.734đ (Tám mươi chín triệu một trăm mười một nghìn bảy trăm ba mươi tư đồng) chưa tính tiền tổn thất tinh thần.

Bị cáo Lê Thị L yêu cầu người bị hại bồi thường chi phí và tổn thất gây ra thương tích tổn hại 6% sức khỏe cho bị cáo gồm:

Chi phí khám chữa bệnh tại bệnh viện Đa khoa Đại An và Bệnh viện Đa khoa Thiệu Hóa là 3.798.700đ; Tiền mất thu nhập 05 tháng mỗi tháng thu nhập 6.000.000đ thành tiền 30.000.000đ; chi phí cho một người chăm sóc 01 tháng thành tiền 6.000.000đ; Tiền tổn thất tinh thần và phải bồi dưỡng sức khỏe 10 tháng lương tối thiểu thành tiền 14.900.000đ; Tổng cộng 54.698.700đ (Năm mươi tư triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm đồng)

- Bản án số 44/2020/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Lê Thị L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, tuyên án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 15/12/2020, người bị hại chị Nguyễn Thị T kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy bản án HSST số 44/2020/HS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa với lý do: Cơ quan tố tụng huyện Thiệu Hóa đã vi phạm nghiêm trọng trong hoạt động tố tụng, bỏ lọt tội phạm bà Lê Thị Gi và bà Lê Thị Ch là đồng phạm với Lê Thị L. Bản án đánh giá chị Nguyễn Thị T có một phần lỗi là không đúng, chị T chỉ tự vệ.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị hại chị Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo và chị T khẳng định Cơ quan tố tụng huyện Thiệu Hóa đã vi phạm nghiêm trọng trong hoạt động tố tụng vì hai lý do sau: Thứ nhất là bỏ lọt tội phạm là bà Lê Thị Gi và bà Lê Thị Ch, hai người này là đồng phạm với Lê Thị L; thứ hai là Bản án sơ thẩm đánh giá chị T có một phần lỗi là không đúng, chị T gây thương tích cho bị cáo L chỉ là tự vệ.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án số 44/2020/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Thị T làm trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị T

- Căn cứ vào lời khai của bị cáo Lê Thị L, người bị hại Nguyễn Thị T và những người tham gia tố tụng khác chị Lê Thị Th, chị Nguyễn Thị Ch tại phiên tòa; đối chiếu với lời khai trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các

tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị L như sau:

Giữa bị cáo Lê Thị L và chị Nguyễn Thị T có mối quan hệ là chị em dâu, hai người đã có mâu thuẫn từ trước; nên khoảng 08 giờ 30 phút ngày 07/4/2020, khi gặp nhau tại đoạn đường liên thôn, thuộc thôn D, xã Ph, huyện Th, thì bị cáo L và chị T có lời qua tiếng lại chửi bới, xúc phạm nhau, sau đó cả hai bên lao vào cào cấu, đánh đấm bằng tay không, chị T cắn vào ngón tay cái bên bàn tay phải của bị cáo L. Sau đó được mọi người can ngăn, hai bên dừng đánh nhau. Ngày 22/6/2020 chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 376/2020/TTPY ngày 10/6/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với chị Nguyễn Thị T là 12% (Mười hai phần trăm).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 494/2020/TTPY ngày 10/07/2020 của Trung tâm pháp y Thanh Hóa kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Thị L là: 06% (Sáu phần trăm).

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã xét xử bị cáo Lê Thị L về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Người bị hại chị Nguyễn Thị T kháng cáo cho rằng cơ quan tiến hành tố tụng huyện Thiệu Hóa vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì bỏ lọt đồng phạm là bà Lê Thị Gi và chị Lê Thị Ch, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm chị T và người làm chứng Lê Thị Th luôn khẳng định bà Lê Thị Gi và bà Lê Thị Ch là người giữ tay cho bị cáo L đánh chị T, tuy nhiên bị cáo L, bà Gi và bà Ch đều khẳng định bà Gi và bà Ch không giữ tay chị T cho bị cáo L đánh chị T và cũng không tham gia vào việc xô xát đánh nhau với chị T, khi nghe tiếng la, bà Gi và bà Ch mới chạy ra thì mọi người đã can ngăn chị T và L ra.

Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra (BL 170), chị Th khai sự xảy ra rất nhanh, khi chị chạy ra thì khoảng 2 đến 3 giây thì chị đã lôi bị cáo L ra và bà Gi, bà Ch cũng đứng dậy. Trong khi Nguyễn Văn S là con trai chị Th khai tại bản khai (BL 177, 178) và tại phiên tòa sơ thẩm đều khẳng định “S chạy ra sau chị Th khoảng 3-4 bước chân, thấy chị Th đang lôi bác T dậy, bác Gi, bác Ch đang đứng gần đấy, không biết ai gây thương tích cho ai”.

Ngoài ra chị Nguyễn Thị Ch khai nhận chỉ chứng kiến chị Th kéo bị cáo L ra khi hai bên đang đánh nhau, không có ai khác ngoài chị T và L, sau đó rất đông người cùng xóm ra can ngăn. Anh Nguyễn Đình Ng khai là người chứng kiến toàn bộ sự việc: “Hai bên lao vào đánh nhau, thấy vậy anh Ng hô la cho mọi người ra can ngăn, cùng lúc có bà Nguyễn Thị Ch, anh Ng và một số hàng xóm ra can ngăn xong việc anh tiếp tục vào làm việc xây tường rào cho nhà bà G (BL 183-184).

Như vậy, Ngoài lời khai của chị Nguyễn Thị T và Lê Thị Th cho rằng bà Gi và chị Ch giữ tay cho bị cáo L đánh chị T, thì không còn tài liệu chứng cứ nào thể hiện bà Gi và chị Ch giữ tay cho bị cáo L đánh chị T. Quá trình điều tra đã tiến hành đối chất giữa những người có lời khai mâu thuẫn là chị T, chị Th, bà Gi, bà Ch, bị cáo L; nhưng bà Gi, bà Ch, bị cáo L không thừa nhận việc bà G và Ch giữ tay chị T cho bị cáo L đánh.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T cho rằng bà Gi và bà Ch đồng phạm cùng bị cáo L gây thương tích cho chị T.

Xét nội dung kháng cáo của chị T cho rằng bản án sơ thẩm đánh giá chị có một phần lỗi trong vụ án là không đúng. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bị cáo L và bị hại T có mối quan hệ là chị em dâu, trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, tuy nhiên cả hai người đều không có cách hành xử đúng mực, dẫn đến xô xát đánh nhau, bị cáo L đã gây thương tích cho chị T 12%, chị T cũng gây thương tích cho bị cáo 6%. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra cấp sơ thẩm không xác định được ai là người gây ra sự việc chửi đánh nhau trước và cơ quan điều tra cũng không ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với chị T; Đối với bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự theo đơn yêu cầu khởi tố của chị T. Vì vậy, nội dung kháng cáo của chị T không thống nhất bản án sơ thẩm đánh giá chị T có một phần lỗi là có căn cứ chấp nhận. Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (người bị hại có một phần lỗi) là chưa chính xác. Tuy nhiên mức hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L là phù hợp, đúng pháp luật.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp và đúng pháp luật, chị T và bị cáo L đều không kháng cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng có căn cứ chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị T về việc không áp dụng tình tiết khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo L. Không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của chị T về việc yêu cầu hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2020/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa:

Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm vì được chấp nhận một phần kháng cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

\* Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

\* Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị T; Sửa bản án số 44/2020/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Thị L phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho Nguyễn Thị T là 56.864.000đ (Năm mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Buộc Nguyễn Thị T phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho Lê Thị L là 22.857.500đ (Hai mươi hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Ngày 21/11/2020 bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa để khắc phục hậu quả nên bị cáo phải tiếp tục bồi thường tiếp cho bị hại số tiền là 34.006.500đ - 20.000.000đ = 14.006.500đ (Mười bốn triệu không trăm linh sáu nghìn năm trăm đồng). Lê Thị T được nhận số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa theo biên lai số AA/2010/004688 ngày 21/11/2020.

Ngày 10/12/2020 bị cáo Lê Thị L đã tự nguyện nộp số tiền phải bồi thường tiếp cho chị T theo quyết định của Bản án sơ thẩm là 14.006.500đ (Tại biên lai thu tiền số AA/2010/004689 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa).



Chị Nguyễn Thị T có quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa để nhận số tiền được bồi thường dân sự.

\* Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

\* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

\* Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- VKS,TA,THAHS huyện Thiệu Hóa;
- T.H.ADS huyện Thiệu Hóa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lê Thị Hiệu**